

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2022

“V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2021/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị M - Sinh năm: 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Đinh Hồng S (tên gọi khác E) - Sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mương Đ, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Huỳnh Thị M trình bày: Chị và anh Đinh Hồng S thông qua người M mới được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2009, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới nhau, chung sống hạnh phúc được 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, anh S đã nhiều lần bạo lực gia đình, đánh đập chị gây thương tích. Mặc dù cả hai đã tự sửa đổi nhưng cũng không thể hàn gắn được tình cảm nên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng, ly thân từ tháng 07/2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị M cương quyết ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đinh Chí H - sinh ngày: 17/9/2014 và Đinh Thị Huỳnh Nh - sinh ngày: 04/4/2011. Hiện 02 con đang chung sống với chị M, chị M đồng ý được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải, bị đơn - anh Đinh Hồng S trình bày: Anh S xác định lời trình bày của chị M về quá trình hôn nhân, con chung là đúng. Anh và chị M chung sống hạnh phúc hơn 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Sau đó ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, chị M yêu cầu ly hôn thì anh S đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S thống nhất theo nguyện vọng của 02 con, đồng ý giao cháu Đinh Chí H và Đinh Thị Huỳnh Nh cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, vợ chồng tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Gồm có diện tích đất ruộng trên 08 công do cha mẹ vợ tôi tặng cho vợ chồng, sau đó vợ chồng có sang thêm hơn 02 công tọa lạc ấp 6, xã Vĩnh Hòa Hưng B, huyện G đều do chị M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một số vật dụng khác, không có giá trị nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ông Đinh H ở ấp Mương Đ, xã H 11.845.000 đồng tiền vật tư nông nghiệp, nợ Ngân hàng C là 25.000.000 đồng, nợ ông Huỳnh Văn H ấp Mương Đ, xã H 50.000.000 đồng. Anh S yêu cầu chia đôi trả nợ chung.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S để tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ về việc làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, kê khai các khoản nợ có yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh S không thực hiện.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp.

Về nội dung: Chị M yêu cầu ly hôn với anh S, xét thấy giữa chị M và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân trong thời gian dài, anh S cũng đồng ý ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M. Về con chung, cháu Đinh Chí H và cháu Đinh Thị Huỳnh Nh có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị M. Xét thấy hiện 02 cháu đang chung sống ổn định với chị M, chị M đồng ý tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh S

cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu H và Nh cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh S có ý kiến chia tài sản chung và giải quyết nợ nhưng không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp đầy đủ chứng cứ. Theo kết quả xác minh của Tòa án, một số chủ nợ không yêu cầu anh S và chị M trả nợ nên đề nghị không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị M khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh S, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị M và anh Đinh Hồng S cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị M xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn không phù hợp tính ý, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh S đã nhiều tự hòa giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, anh S cũng đồng ý ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....”*. Chị M và anh S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Do đó, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng chị M - anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Huỳnh Thị M được ly hôn với anh Đinh Hồng S.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh S cùng xác định trong quá trình chung sống anh chị có Đinh Chí H - sinh ngày: 17/9/2014 và Đinh Thị Huỳnh Nh - sinh ngày: 04/4/2011. Hiện 02 con đang chung sống với chị M. Xét thấy cháu Hôn và cháu Như trên 07 tuổi có văn bản thể hiện ý kiến muốn tiếp tục chung sống với chị

M, anh S cũng đồng ý giao 02 con cho chị M nuôi dưỡng. Chị M hiện đảm bảo các điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con và cũng không vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Sau khi xem xét quyền lợi mọi mặt của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh S và chị M, Hội đồng xét xử giao Đình Chí H và cháu Đình Thị Huỳnh Nh cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Do chị M không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh S có trình bày ý kiến chia tài sản chung nhưng không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, không giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 96 và Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh S có trình bày yêu cầu trả nợ chung nhưng anh không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 96 và Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với phần nợ ông Đình H, Ngân hàng C và ông Huỳnh Văn H, Tòa án đã tiến hành xác minh, các chủ nợ đều không yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp đương sự sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002296 ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị M được ly hôn với anh Đình Hồng S.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị M và anh S, giao cháu Đình Chí H - sinh ngày: 17/9/2014 và Đình Thị Huỳnh Nh - sinh ngày:

04/4/2011 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002296 ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, chị M được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 08/7/2022, anh S được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

Nguyễn Thúy An